

# Thực thi các thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp và năng lực cạnh tranh tỉnh Sơn La

NGUYỄN THANH PHONG\*  
NGUYỄN THỊ THIÊM\*\*  
ĐẶNG XUÂN PHI\*\*\*  
NGUYỄN VIỆT ĐĂNG\*\*\*\*

## Tóm tắt

Bằng các mô hình phân tích hồi quy đa biến dữ liệu chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) ở 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương của Việt Nam và phân tích sâu các chỉ số thành phần của PCI tỉnh Sơn La, bài báo chỉ ra rằng, các chỉ số thành phần ảnh hưởng đến xếp hạng PCI của các tỉnh. Ở từng chỉ số có ảnh hưởng mạnh, bài báo phân tích và đưa ra các khuyến nghị nhằm cải thiện các thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp (DN) để cải thiện PCI cho tỉnh Sơn La.

**Từ khóa:** doanh nghiệp, thủ tục hành chính, chỉ số, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, Sơn La

## Summary

By using multiple regression analysis models of provincial competitiveness index (PCI) data in 63 provinces and cities of Vietnam and in-depth analysis of Son La's PCI, the paper points out that component indexes affect PCI ranking of provinces. Regarding the most influential indicators, the article analyzes and makes recommendations to improve the administrative procedures for businesses so as to improve Son La's PCI.

**Keywords:** enterprise, administrative procedures, index, provincial competitiveness, Son La

## GIỚI THIỆU

Trong những năm gần đây, PCI của tỉnh Sơn La có chiều hướng đi xuống và nằm ở nhóm thấp nhất cả nước (năm 2014: vị trí xếp hạng 49/63; năm 2015: 44/63; năm 2016: 58/63; năm 2017: 57/63, năm 2018: 56/63). Điều này phản ánh tỉnh Sơn La còn nhiều hạn chế trong cải cách hành chính, đặc biệt là thực thi các thủ tục hành chính (TTHC) đối với tổ chức, DN và người dân.

PCI có 10 chỉ số thành phần, đó là: Gia nhập thị trường; Tiếp cận đất đai; Tính minh bạch; Chi phí thời gian; Chi phí không chính thức; Tinh năng động; Hỗ trợ DN; Đào tạo lao động; Thiết chế pháp lý; Cạnh tranh bình đẳng. Để nâng cao những chỉ số thành phần này, cần thiết nâng cao chất lượng thực thi TTHC đối với DN, như: thuế, đất đai, thành lập DN, tín dụng. Bài viết chỉ ra mối quan hệ giữa thực thi các TTHC đối với DN và các chỉ số thành phần (CSTP) cấu thành PCI ở tỉnh Sơn La. Qua đó, có những khuyến nghị nâng cao chất lượng thực thi TTHC đối với DN nhằm cải thiện PCI của tỉnh Sơn La.

## PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sử dụng số liệu đã công bố về các CSTP và các điểm số, xếp hạng PCI của 63 tỉnh, thành phố trên cả nước và tỉnh Sơn La được Phòng Công nghiệp và Thương mại Việt Nam (VCCI) công bố hàng năm, từ 2006 đến 2018. Nghiên cứu sử dụng 7 CSTP có tác động lớn nhất đến thứ hạng PCI của tất cả các tỉnh, thành phố gồm: CSTP 2, Tiếp cận đất đai, CSTP 4; Chi phí thời gian, CSTP 5; Chi phí không chính thức, CSTP 7; Tinh năng động, CSTP 8; Dịch vụ Hỗ trợ DN, CSTP 9; Đào tạo lao động, CSTP 10; Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự để phân tích.

Nghiên cứu sử dụng mô hình hồi quy đa biến để phân tích sự ảnh hưởng của các yếu tố điểm số thành phần đến PCI.

\* ThS., \*\* ThS., \*\*\* ThS., \*\*\*\* TS., Học viện Nông nghiệp Việt Nam  
Ngày nhận bài: 02/10/2019; Ngày phản biện: 16/10/2019; Ngày duyệt đăng: 23/10/2019

## KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

### Mối tương quan giữa THHC ở các CSTP PCI và điểm số, thứ hạng PCI

Kết quả Bảng 1 cho thấy, 2 chỉ số tác động tiêu cực đến giá trị CSTP 9 là Tỷ lệ phần trăm tổng chi phí kinh doanh dành cho đào tạo lao động và Tỷ lệ phần trăm tổng chi phí kinh doanh dành cho tuyển dụng lao động. Còn lại các chỉ số khác đều có tác động tích cực đến chỉ số này. Như vậy, có thể nhận định rằng, cần đẩy mạnh hỗ trợ các hoạt động dạy nghề đào tạo lao động cho lao động trong Tỉnh để cung cấp cho các hoạt động của DN. Dịch vụ giới thiệu việc làm tại Tỉnh có những tác động tốt, cần tiếp tục xúc tiến nhiều hoạt động tương tự. DN ngày càng quan tâm đến lao động đã qua đào tạo của tỉnh và đây là chỉ tiêu quan trọng ảnh hưởng đến mức giá trị của CSTP 9.

Kết quả phân tích mô hình hồi quy cho thấy, Sơn La nên tập trung vào thay đổi chỉ số là: Tỷ lệ lao động qua đào tạo trên tổng lực lượng lao động; Tỷ lệ DN đánh giá giáo dục dạy nghề tại tỉnh có

BẢNG 1: GIÁ TRỊ CSTP ĐÀO TẠO LAO ĐỘNG TỈNH SƠN LA VÀ CÁC SỐ SÁNH 2018

Chỉ tiêu	Hệ số Beta	Sơn La	Thấp nhất	Trung vị	Cao nhất
CSTP 9: Đào tạo lao động		5,76	4,70	6,34	7,92
Tỷ lệ DN đánh giá giáo dục phổ thông tại tỉnh có chất lượng tốt (%)	0,068	45,45	36,19	56,49	80,21
Tỷ lệ DN đánh giá giáo dục dạy nghề tại tỉnh có chất lượng tốt (%)	0,110	29,75	19,82	38,10	62,24
DN từng sử dụng dịch vụ giới thiệu việc làm (GTVL) tại tỉnh (%)	0,121	62,50	41,38	65,52	90,91
DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ GTVL (%)	0,188	80,00	25,00	66,67	92,00
DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ GTVL (%)	0,101	70,00	34,29	65,38	96,00
Phần trăm tổng chi phí kinh doanh dành cho đào tạo lao động (%)	-0,136	5,67	2,38	5,44	8,42
Phần trăm tổng chi phí kinh doanh dành cho tuyển dụng lao động (%)	-0,213	5,66	2,72	4,68	9,24
Lao động tại tỉnh đáp ứng được nhu cầu sử dụng của DN (%)	0,063	84,03	79,27	90,08	97,92
Tỷ lệ lao động qua đào tạo/số lao động chưa qua đào tạo (%)	0,431	3,53	0,98	5,61	16,29
Tỷ lệ lao động qua đào tạo trên tổng lực lượng lao động (%)	0,378	6,81	2,68	8,40	13,53
Tỷ lệ lao động qua đào tạo đang làm việc tại DN (%)	0,081	47,78	32,83	47,78	56,54

BẢNG 2. GIÁ TRỊ CSTP DỊCH VỤ HỖ TRỢ DN TỈNH SƠN LA VÀ CÁC SỐ SÁNH 2018

Chỉ tiêu	Hệ số Beta	Sơn La	Thấp nhất	Trung vị	Cao nhất
CSTP 8: Dịch vụ Hỗ trợ DN		6,35	4,69	6,43	7,64
Số hội chợ thương mại do tỉnh tổ chức trong năm vừa qua	0,286	13	1	9	20
Tỷ lệ DN cung cấp dịch vụ (CCDV) trên tổng số DN (%)	0,160	1,40	0,22	0,83	3,87
Tỷ lệ DN CCDV tư nhân và FDI trên tổng số DN CCDV (%)	0,562	47,37	0,00	71,43	98,67
DN từng sử dụng dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường (TTTT) (%)	0,050	47,17	35,42	54,35	76,32
DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ tìm kiếm TTTT (%)	0,070	56,00	35,29	63,49	88,24
DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ tìm kiếm TTTT (%)	0,132	72,00	47,37	74,19	94,44
DN từng sử dụng dịch vụ tư vấn về pháp luật (TVPL) (%)	0,068	50,00	38,24	58,00	79,25
DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ TVPL (%)	0,062	32,14	31,25	52,17	78,57
DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ TVPL (%)	0,099	85,71	18,18	69,44	93,33
DN từng sử dụng dịch vụ tìm kiếm đối tác kinh doanh (ĐTKD) (%)	0,049	50,00	24,00	48,15	68,89
DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ tìm kiếm ĐTKD (%)	0,089	70,00	46,15	71,43	100,00
DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ tìm kiếm ĐTKD (%)	0,102	75,00	47,37	73,33	94,12
DN từng sử dụng dịch vụ xúc tiến thương mại (XTTM) (%)	0,052	48,15	29,17	61,11	75,00
DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ XTTM (%)	0,070	53,85	17,65	52,63	100,00
DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ XTTM (%)	0,100	84,62	26,67	65,22	88,89
DN từng sử dụng dịch vụ liên quan tới công nghệ (%)	0,077	48,15	22,22	56,00	83,33
DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ liên quan tới công nghệ (%)	0,085	61,54	29,41	60,00	100,00
DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ liên quan tới công nghệ (%)	0,102	76,92	33,33	66,67	92,86
DN từng sử dụng dịch vụ đào tạo về kế toán, tài chính (KTTC) (%)	0,089	59,18	34,78	57,89	74,36
DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ đào tạo về KTTC (%)	0,072	55,17	22,22	57,89	100,00
DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đào tạo về KTTC (%)	0,101	79,31	33,33	70,83	100,00
DN từng sử dụng dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh (QTKD) (%)	0,068	51,22	23,08	51,85	76,92
DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ đào tạo về QTKD (%)	0,072	47,62	22,22	65,22	100,00
DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đào tạo về QTKD (%)	0,082	61,90	35,29	71,43	93,75

**BẢNG 3: GIÁ TRỊ CSTP CHI PHÍ KHÔNG CHÍNH THỨC TÍNH SƠN LA VÀ CÁC SỐ SÁNH 2018**

Chỉ tiêu	Hệ số Beta	Sơn La	Thấp nhất	Trung vị	Cao nhất
CSTP 5: Chi phí không chính thức (CPKCT)		5,23	4,54	6,04	7,61
Các DN cùng ngành thường phải trả thêm các khoản CPKCT (% Đồng ý)	-0,125	58,37	38,32	54,81	73,53
Công việc đạt được kết quả mong đợi sau khi trả CPKCT (% luôn luôn/hầu hết)	0,132	76,00	46,27	61,64	82,14
Tình trạng những nhu cầu khi giải quyết TTHC cho DN là phổ biến (% Đồng ý)	-0,138	63,79	37,32	58,16	68,79
Các khoản CPKCT ở mức chấp nhận được (% Đồng ý)	0,123	79,17	69,03	81,03	93,07
Tỷ lệ DN có chi trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra (%)	-0,216	43,64	12,94	39,31	61,17
Tỷ lệ DN phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại CPKCT (%)	-0,191	11,71	1,68	7,08	25,56
Tỷ lệ DN có chi trả CPKCT trong thực hiện TTHC đất đai (%)	-0,318	50,00	5,88	30,77	62,50
Chi trả CPKCT là điều bắt buộc để đảm bảo trung thực (% Đồng ý)	-0,327	47,62	14,29	48,39	68,42
DN lo ngại tình trạng "chạy án" là phổ biến (%)	-0,270	33,33	15,19	28,77	54,90

**BẢNG 4: GIÁ TRỊ CSTP THIẾT CHẾ PHÁP LÝ VÀ AN NINH TRẬT TỰ TỈNH SƠN LA VÀ CÁC SỐ SÁNH 2018**

Chỉ tiêu	Hệ số Beta*	Sơn La	Thấp nhất	Trung vị	Cao nhất
CSTP 10: Thiết chế pháp lý và ANTT		6,46	4,13	6,21	7,99
Tin tưởng HTPL sẽ đảm bảo quyền tài sản/thực thi hợp đồng của DN (%)	0,043	82,91	76,15	84,78	93,33
Hệ thống pháp luật (HTPL) có cơ chế giúp DN tố cáo cán bộ những nhiều (%)	0,198	28,81	17,71	32,14	51,65
Lãnh đạo tỉnh sẽ không bao che và nghiêm túc kỷ luật cán bộ những nhiều DN (%)	0,245	28,07	23,26	35,00	57,30
DN sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết các tranh chấp (%)	0,075	52,10	34,78	45,16	60,00
Tòa án các cấp của tỉnh xét xử các vụ việc kinh tế đúng pháp luật (%)	0,113	88,60	80,73	89,11	96,34
Phán quyết của tòa án là công bằng (%)	0,076	82,69	76,14	83,65	93,67
Tòa án các cấp ở tỉnh xét xử vụ việc kinh tế nhanh chóng (%)	0,073	68,81	55,71	67,62	79,63
Phán quyết của tòa án được thi hành nhanh chóng (%)	-0,017	67,27	55,88	69,66	83,51
Các CQ trợ giúp pháp lý tại tỉnh hỗ trợ DN nhanh chóng để khởi kiện (%)	0,075	75,45	59,41	72,82	87,95
Các chi phí chính thức và CPKCT là chấp nhận được khi GQTC qua tòa án (%)	0,072	77,78	68,67	79,81	94,20
Số lượng vụ việc tranh chấp của DN dân doanh do Tòa án thu lý/100 DN	**	0,89	0,14	1,41	11,11
Tỷ lệ nguyên đơn ngoài quốc doanh/tổng số nguyên đơn tại tòa án tỉnh (%)	**	92,31	33,33	83,85	100,00
Tỷ lệ vụ việc kinh tế đã được giải quyết trong năm (%)	0,072	55,56	22,22	58,06	100,00
Tình hình an ninh trật tự tại tỉnh là Tốt (%)	0,221	69,49	41,05	57,69	77,11
Tỷ lệ DN bị mất trộm tài sản năm qua (%)	-0,242	11,11	5,68	12,00	25,00
CQ công an hỗ trợ DN giải quyết hiệu quả vụ mất trộm tài sản (%)	0,306	69,23	26,67	64,29	90,91
Phải trả tiền "bảo kê" cho băng nhóm côn đồ, xã hội đen để yên ổn làm ăn (%)	-0,284	0,85	0,00	1,71	8,79

\*Kết quả phân tích mô hình hồi quy

\*\* Không tính toán trong mô hình do không tương quan với biến phụ thuộc

chất lượng tốt; Tỷ lệ lao động qua đào tạo/số lao động chưa qua đào tạo.

Kết quả hồi quy Bảng 2 cho thấy, tất cả các thành phần trong CSTP Dịch vụ hỗ trợ DN đều có tác động tích cực đến giá trị của chỉ số này. Tuy nhiên, mức độ tác động của các chỉ số không chênh lệch quá nhiều, không có chỉ số nào vượt trội và khác biệt hẳn. Thời gian tới, Sơn La nên tập trung cải thiện các chỉ số sau: Tỷ lệ DN cung cấp dịch vụ tư nhân và FDI trên tổng số DN cung cấp dịch vụ; DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ tư vấn pháp luật; DN từng sử dụng dịch vụ xúc tiến thương mại; DN từng sử dụng dịch vụ liên quan tới công nghệ; DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh; DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đào tạo về QTKD do các chỉ số này còn ở mức thấp so với trung vị và có thể cải thiện thông qua nỗ lực của chính quyền địa phương.

Từ kết quả Bảng 3 có thể thấy, 5 thành phần tác động tích cực lớn nhất đến giá trị CSTP 5 với trị số đáng kể là: Tỷ lệ đồng ý của chỉ tiêu Chi trả chi phí không chính thức là điều bắt buộc để đảm bảo trung thực; Tỷ lệ DN có chi trả chi phí không chính thức trong thực hiện TTHC đất đai; DN lo ngại tình trạng "chạy án" là phổ biến; Tỷ lệ DN có chi trả chi phí không chính thức cho cán bộ thanh, kiểm tra; và Tỷ lệ DN phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại chi phí không chính thức. Để nâng cao giá trị CSTP 5 cần tác động giảm 4 tỷ lệ từ trên xuống. Bên cạnh đó, có 2 thành phần tác động tích cực đến CSTP 5 là Công việc đạt được kết quả mong đợi sau khi trả chi phí không chính thức và Các khoản chi phí không chính thức ở mức chấp nhận được. Điều này thể hiện mức độ chịu chi của DN cho các chi phí không chính thức và đây là chỉ số cho thấy mức độ tiềm ẩn của tham nhũng và những nhiều DN. Tỷ lệ đánh giá các khoản chi phí không chính thức ở mức chấp nhận được của Sơn La ở mức trung vị của cả nước cho thấy, DN đã không hài lòng với mức chấp nhận chi của chi phí này không phải là thấp.

Phân tích mô hình hồi quy (Bảng 4) cho thấy, thành phần tác động tích cực lớn nhất đến giá trị CSTP Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự là Tỷ lệ DN bị mất trộm tài sản năm qua và chi tiêu phải trả tiền "bảo kê" cho băng nhóm côn đồ, xã hội đen để yên ổn làm ăn. Như vậy, có thể thấy rằng,

công việc đảm bảo an ninh trật tự luôn được DN quan tâm. Tuy nhiên, chỉ số này tại Sơn La lại ở mức thấp hơn mức trung vị. Nếu vẫn giữ được đánh giá như năm 2018, thì giá trị CSTP 10 của Tỉnh vẫn tốt. Bên cạnh đó, các chỉ tiêu tác động tích cực đến CSTP 10, như: Cơ quan công an hỗ trợ DN giải quyết hiệu quả vụ mất trộm tài sản; Tình hình an ninh trật tự tại tỉnh là Tốt; Lãnh đạo tỉnh sẽ không bao che và nghiêm túc kỷ luật cán bộ những nhiều DN; và Hệ thống pháp luật (HTPL) có cơ chế giúp DN tố cáo cán bộ những nhiều, nếu được nỗ lực cải thiện hơn nữa sẽ giúp phần tăng điểm cho CSTP 10 này. Cần lưu ý rằng, các chỉ số các thành phần còn thấp của Tỉnh, như: Tỷ lệ đánh giá Lãnh đạo Tỉnh sẽ không bao che và nghiêm túc kỷ luật cán bộ những nhiều DN (dưới mức trung vị so với cả nước) vẫn có khả năng cải thiện, nên vẫn còn có thể và giúp tăng điểm CSTP 10, từ đó tăng hạng PCI của tỉnh Sơn La.

Đối với CSTP 7, ngoài 2 thành phần không được đưa vào mô hình hồi quy, các thành phần được phân tích đều có tác động đến giá trị CSTP này (Bảng 5). Trong đó, chỉ có thành phần Khi chính sách, pháp luật trung ương có điểm chưa rõ, chính quyền tỉnh thường “đợi xin ý kiến chỉ đạo” tác động tiêu cực đến giá trị CSTP này. Như vậy, sự rõ ràng về việc thực thi các chính sách có liên quan từ cấp trên là mối quan tâm lớn của DN, giá trị của chỉ tiêu này cần giảm xuống để nhằm mục đích tăng điểm CSTP 7. Các thành phần: DN nhận được phản hồi của cơ quan nhà nước tỉnh sau khi phản ánh khó khăn, vướng mắc; Thái độ của chính quyền tỉnh với khu vực kinh tế tư nhân là tích cực; Vướng mắc, khó khăn của DN được tháo gỡ kịp thời qua đối thoại DN; và Tỷ lệ DN hài lòng với phân hồi/cách giải quyết của QCNN tỉnh là 4 yếu tố tác động lớn nhất đến giá trị của CSTP 7. Các giá trị của các chỉ số trên tại Sơn La đa số đều đang ở mức tương đương với mức trung vị của cả nước. Như vậy, với nỗ lực tăng CSTP 7 này, thì cần tập trung vào thay đổi các thành phần, như: UBND tỉnh nâng động, sáng tạo trong giải quyết vấn đề mới phát sinh và tăng Tỷ lệ DN nhận được phản hồi của cơ quan nhà nước tỉnh sau khi phản ánh khó khăn, vướng mắc.

Bảng 6 cho thấy, giá trị CSTP Tiếp cận đất đai theo phân tích mô hình hồi quy bị ảnh hưởng tiêu cực bởi các thành phần Không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do lo ngại TTHC rườm rà/cán bộ những nhiều

BẢNG 5: GIÁ TRỊ CSTP TỈNH NĂNG ĐỘNG TỈNH SƠN LA VÀ CÁC SỐ SẴNH 2018

Chỉ tiêu	Hệ số Beta*	Sơn La	Thấp nhất	Trung vị	Cao nhất
CSTP 7: Tỉnh năng động		5,18	4,20	5,55	7,81
UBND tỉnh vẫn dùng pháp luật tình hoạt nhằm tạo MTKD thuận lợi cho kinh tế tư nhân (%)	0,161	76,70	56,84	76,32	94,38
UBND tỉnh năng động, sáng tạo trong giải quyết vấn đề mới phát sinh (%)	0,115	56,31	45,16	60,87	78,95
Thái độ của chính quyền tỉnh với khu vực KTTN là tích cực (%)	0,286	49,55	30,95	46,22	64,00
Có sáng kiến hay ở cấp tỉnh, nhưng chưa được thực thi tới ở các sở/ngành (%)	**	80,20	67,82	80,00	88,76
Lãnh đạo tỉnh có chủ trương đúng, nhưng chưa được thực hiện tới ở cấp huyện/thị (%)	**	64,00	45,88	61,19	74,90
Khi chính sách, pháp luật trung ương có điểm chưa rõ, chính quyền tỉnh thường “đợi xin ý kiến chỉ đạo” (%)	-0,254	42,86	17,46	32,00	42,86
Vướng mắc, khó khăn của DN được tháo gỡ kịp thời qua đối thoại DN (%)	0,246	68,09	54,72	68,48	86,30
DN nhận được phản hồi của cơ quan nhà nước tỉnh sau khi phản ánh khó khăn, vướng mắc (%)	0,312	90,24	78,26	94,87	100,00
Tỷ lệ DN hài lòng với phân hồi/cách giải quyết của cơ quan nhà nước tỉnh (%)	0,226	77,78	44,83	77,42	95,24

\*Kết quả phân tích mô hình hồi quy

\*\* Không tính toán trong mô hình do không tương quan với biến phụ thuộc

BẢNG 6: GIÁ TRỊ CSTP TIẾP CẬN ĐẤT ĐAI TỈNH SƠN LA VÀ CÁC SỐ SẴNH NĂM 2018

Chỉ tiêu	Hệ số Beta*	Sơn La	Thấp nhất	Trung vị	Cao nhất
CSTP 2: Tiếp cận đất đai		6,14	5,13	6,60	7,79
Tỷ lệ DN có mặt bằng kinh doanh và có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (%)	0,126	53,57	21,23	45,59	79,01
Số ngày chờ đợi để được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất (trung vị)	**	30	15	30	60
DN đánh giá rủi ro bị thu hồi đất (1=Rất cao; 5=Rất thấp)	-0,110	1,64	1,36	1,64	2,04
DN không gặp cản trở về cấp căn/mở rộng mặt bằng kinh doanh (%)	0,111	40,54	29,07	40,54	68,49
Khó khăn về thiếu quỹ đất sạch (%)	-0,180	22,73	3,33	18,60	40,91
Giải phóng mặt bằng chậm (%)	-0,200	31,82	2,44	16,67	38,46
Việc cung cấp thông tin về đất đai không thuận lợi, nhanh chóng (%)	-0,197	31,82	19,15	30,56	43,64
Nếu bị thu hồi đất, DN sẽ được bồi thường thỏa đáng (% luôn luôn/nhiều khả năng)	0,199	33,33	6,67	28,30	47,27
Thay đổi khung giá đất của tỉnh phù hợp với thay đổi giá thị trường (% Đồng ý)	0,157	75,89	62,77	76,92	86,71
DN thực hiện TTHC đất đai trong vòng 2 năm qua không gặp khó khăn (%)	0,375	31,25	13,04	34,62	65,22
Không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do lo ngại TTHC rườm rà/cán bộ những nhiều (%)	-0,268	18,00	0,00	10,39	30,00

\*Kết quả phân tích mô hình hồi quy

\*\* Không tính toán trong mô hình do không tương quan với biến phụ thuộc

Nguồn: Số liệu xuất xứ báo PCI 2018 và kết quả mô hình hồi quy của tác giả

sử dụng đất do lo ngại TTHC rườm rà/cán bộ những nhiều; Việc cung cấp thông tin về đất đai không thuận lợi, nhanh chóng; Giải phóng mặt bằng chậm; Khó khăn về thiếu quỹ đất sạch; DN đánh giá rủi ro bị thu hồi đất. Các chỉ tiêu này của Tỉnh đều cao, muốn tăng giá trị CSTP Tiếp cận đất đai của tỉnh cần cần phải giảm các chỉ số này xuống. Như vậy, Tỉnh cần nỗ lực tập trung làm thông thoáng và giảm các chỉ số trên xuống bằng các chính sách phù hợp. Đồng thời, các thành phần ảnh

**BẢNG 7: GIÁ TRỊ CSTP CHI PHÍ THỜI GIAN TỈNH SƠN LA VÀ CÁC SỐ SẴNH 2018**

Chỉ tiêu	Hệ số Beta*	Sơn La	Thấp nhất	Trung vi	Cao nhất	
CSTP 4: Chi phí thời gian		5,84	4,91	6,94	8,90	
Tỷ lệ DN dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện ODPI.	**	40,34	16,13	30,69	46,43	
CBCC giải quyết công việc hiệu quả (%)		0,136	71,54	63,33	74,75	89,90
CBCC thân thiện (%)		0,097	69,17	55,02	67,50	91,92
DN không phải đi lại nhiều lần để hoàn tất thủ tục (%)		0,039	47,58	47,24	57,48	72,73
Thủ tục giấy tờ đơn giản (%)		0,129	80,82	40,52	56,90	74,05
Phí, lệ phí được niêm yết công khai (%)		0,013	92,56	81,36	93,20	99,07
Thời gian thực hiện TTHC được rút ngắn hơn so với quy định (%)		0,092	63,25	53,57	68,85	80,27
Tỷ lệ DN bị thanh, kiểm tra từ 5 cuộc trở lên trong năm (%)		-0,274	12,93	0,88	6,4	13,21
Nội dung thanh, kiểm tra bị trùng lặp (%)	**	8,16	1,30	10,77	19,70	
Số giờ trung vi cho mỗi cuộc làm việc với thanh tra, kiểm tra thuế		-0,394	8	2	8	40
Thanh, kiểm tra tạo cơ hội cho cán bộ những DN (%)		-0,349	24,14	5,33	17,65	30,00

\*Kết quả phân tích mô hình hồi quy

\*\* Không tính trong mô hình do không tương quan với biến phụ thuộc

Nguồn: Tổng xuất dữ liệu PCI 2018 và kết quả mô hình hồi quy đã biến

hưởng tích cực đến CSTP này lại đang ở mức chưa cao, như vậy, nhiệm vụ đặt ra là cần phải tích cực thay đổi tỷ lệ của các chỉ số: DN thực hiện TTHC dứt dai trong vòng 2 năm qua không gặp khó khăn; Thay đổi khung giá đất của tỉnh phù hợp với thay đổi giá thị trường; Nếu bị thu hồi đất, DN sẽ được bồi thường thỏa đáng.

Đối với CSTP 4: Kết quả phân tích (Bảng 7) cho thấy: Chi phí thời gian là có ảnh hưởng yếu nhất đến thứ hạng PCI của một tỉnh. Tuy nhiên, các chỉ số nhỏ trong CSTP này, như: Tỷ lệ DN bị thanh, kiểm tra từ 5 cuộc trở lên trong năm và Thanh kiểm tra tạo cơ hội cho cán bộ những doanh nghiệp tác động tích cực và ảnh hưởng rất lớn đến giá trị của CSTP này. Các chỉ số này của tỉnh Sơn La ở mức cao, trong đó, Tỷ lệ DN bị thanh, kiểm tra từ 5 cuộc trở lên trong năm gần bằng mức cao nhất cả nước. Muốn nâng cao giá trị CSTP này, chính quyền Tỉnh cần giảm giá trị của các thành phần trên xuống nhiều nhất có thể. Theo đó, các quy trình thanh kiểm tra cần phải được hoàn thiện, đơn giản hoá, tạo điều kiện nhất cho DN. Bên cạnh đó, cần phải tiếp tục nỗ lực cải thiện Thủ tục giấy tờ đơn giản hơn và thời gian thực hiện TTHC được rút ngắn hơn.

## KẾT LUẬN

Năng lực cạnh tranh của tỉnh Sơn La có nhiều CSTP thấp hơn mức trung bình của cả nước và nhiều

nằm ở mức thấp chưa được cải thiện cần được quan tâm và nâng hạng, bao gồm: Chi phí không chính thức; Tình năng động; Đào tạo lao động và các chỉ số có xu hướng giảm điểm, như: Chi phí thời gian nhằm nâng cao điểm số và thứ hạng của PCI.

Bảng các mô hình phân tích hồi quy đa biến dữ liệu PCI ở 63 tỉnh, thành phố và phân tích sâu các CSTP PCI của tỉnh Sơn La cho thấy, các CSTP ảnh hưởng đến xếp hạng PCI của các tỉnh tính từ chỉ số mạnh nhất, bao gồm: Đào tạo lao động; Hỗ trợ DN; Chi phí không chính thức; Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự; Tình năng động; Tiếp cận đất đai; Chi phí thời gian.

Phân tích sâu từng CSTP tìm ra các TTHC đối với DN ảnh hưởng quyết định đến các điểm số thành phần và điểm tổng và xếp hạng PCI. Bài viết khuyến nghị cần đẩy mạnh hỗ trợ các hoạt động dạy nghề đào tạo lao động cho lao động trong Tỉnh để cung cấp cho các hoạt động của DN. Dịch vụ giới thiệu việc làm tại Tỉnh có những tác động tốt, cần tiếp tục xúc tiến nhiều hoạt động tương tự. Giảm những nhiều và các thủ tục gây phiền hà cho DN tránh chi phí không chính thức. Vương mặc, khó khăn của DN được tháo gỡ kịp thời qua đối thoại DN và Tỷ lệ DN hài lòng với phản hồi/cách giải quyết của cơ quan nhà nước tỉnh là những yếu tố tác động lớn đến giá trị của CSTP. Việc cung cấp thông tin về đất đai không thuận lợi, nhanh chóng; Giải phóng mặt bằng chậm; Khó khăn về thiếu quỹ đất sạch; DN đánh giá rủi ro bị thu hồi đất. Các chỉ tiêu này của Tỉnh đều cao, muốn tăng giá trị CSTP Tiếp cận đất đai của tỉnh lên cần phải giảm các chỉ số này xuống. Tỷ lệ DN bị thanh, kiểm tra từ 5 cuộc trở lên trong năm và Thanh kiểm tra tạo cơ hội cho cán bộ những DN là các yếu tố tác động tích cực và ảnh hưởng rất lớn đến giá trị của CSTP. Các chỉ số này của tỉnh Sơn La ở mức cao, Tỷ lệ DN bị thanh, kiểm tra từ 5 cuộc trở lên trong năm gần bằng mức cao nhất cả nước. □

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. UBND tỉnh Sơn La (2007-2019). Báo cáo đánh giá năng lực cạnh tranh cấp 1 năm, từ 2006 đến 2018
2. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (2007-2019). Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Việt Nam các năm, từ 2006 đến 2018